

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 11 - PHÒNG 1

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110001	TRẦN THẢO VINH AN	11A7	
2	110002	LÝ PHẠM SOK AN	11A10	
3	110003	NGUYỄN QUỐC AN	11A2	
4	110004	NGUYỄN PHAN KHÁNH AN	11A3	
5	110005	TRẦN THANH AN	11A5	
6	110006	TRẦN KHÁNH AN	11A7	
7	110007	NGUYỄN QUỐC AN	11A9	
8	110008	HOÀNG THIÊN ẬN	11A2	
9	110009	VÕ THỊ MINH ANH	11A7	
10	110010	TRẦN NGỌC ANH	11A10	
11	110011	TRẦN QUỲNH TRÚC ANH	11A5	
12	110012	NGUYỄN NGỌC VÂN ANH	11A7	
13	110013	NGUYỄN TRẦN MINH ANH	11A10	
14	110014	NGUYỄN NGỌC KIM ANH	11A2	
15	110015	VÕ QUỐC ANH	11A3	
16	110016	TRẦN HUỲNH TUYẾT ANH	11A5	
17	110017	LÊ NGUYỄN TUYẾT ANH	11A7	
18	110018	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	11A9	
19	110019	HÀNG THÁI PHƯƠNG ANH	11A10	
20	110020	AN BUI THỂ ANH	11A2	
21	110021	NGUYỄN TUẤN ANH	11A3	
22	110022	PHAN THỂ ANH	11A4	
23	110023	NGUYỄN HẢI QUỲNH ANH	11A5	
24	110024	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	11A9	
25	110025	BUI THI LAN ANH	11A4	
26	110026	NGUYỄN HOÀNG MAI ANH	11A6	
27	110027	NGUYỄN THÁI ANH	11A8	
28	110028	NGUYỄN TRẦN NGUYỄN BẠCH	11A10	
29	110029	ĐÀO NGUYỄN BẠCH	11A1	
30	110030	NGUYỄN GIA BÀN	11A9	
31	110031	TRẦN THỊ TUYẾT BĂNG	11A7	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 11 - PHÒNG 2**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110032	PHẠM TRẦN KHÁNH BĂNG	11A7	
2	110033	NGUYỄN THỊ KHÁNH BĂNG	11A9	
3	110034	NGUYỄN KIM BĂNG	11A8	
4	110035	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN BẢO	11A2	
5	110036	VÕ LÂM CHÍ BẢO	11A5	
6	110037	NGUYỄN HUỖNH GIA BẢO	11A9	
7	110038	THẠCH GIA BẢO	11A3	
8	110039	PHAN HOÀNG GIA BẢO	11A4	
9	110040	QUYÊN GIA BẢO	11A1	
10	110041	TRẦN GIA BẢO	11A6	
11	110042	NGUYỄN QUỐC BÌNH	11A9	
12	110043	NGUYỄN NGÔ QUANG BÌNH	11A1	
13	110044	NGUYỄN CHÍ BÌNH	11A8	
14	110045	PHAN NGỌC MINH CHÂU	11A4	
15	110046	TRẦN NGỌC KIM CƯỜNG	11A3	
16	110047	LÝ QUỐC CƯỜNG	11A6	
17	110048	BUI THẾ CƯỜNG	11A6	
18	110049	NGUYỄN QUỐC ĐẠI	11A2	
19	110050	VÕ THIỆU DÂN	11A7	
20	110051	TRỊNH NGUYỄN THẾ ĐAN	11A5	
21	110052	NGUYỄN YÊN ĐAN	11A4	
22	110053	LÊ HUỆ ĐĂNG	11A2	
23	110054	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	11A4	
24	110055	LÊ THỊ HỒNG ĐÀO	11A9	
25	110056	TRẦN MINH ĐẠT	11A3	
26	110057	CHÂU GIA ĐẠT	11A7	
27	110058	TRÀ THÀNH ĐẠT	11A1	
28	110059	TRƯƠNG TẤN ĐẠT	11A2	
29	110060	PHẠM TIẾN ĐẠT	11A3	
30	110061	TRẦN GIA ĐẠT	11A4	02/7/2007
31	110062	BUI GIA ĐẠT	11A1	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 11 - PHÒNG 3

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110063	NGUYỄN ĐẠT	11A2	
2	110064	TRẦN GIA ĐẠT	11A4	22/6/2007
3	110065	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	11A6	
4	110066	LÝ HOÀNG ĐẠT	11A10	
5	110067	LÂM TIẾN ĐẠT	11A7	
6	110068	LÊ NGUYỄN THÀNH ĐIỂN	11A10	
7	110069	NGUYỄN XUÂN ĐIỀU	11A10	
8	110070	NGUYỄN NGỌC KHÁNH ĐOAN	11A8	Tiếng Pháp
9	110071	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG ĐÔNG	11A4	
10	110072	NGUYỄN TRUNG DŨNG	11A9	
11	110073	LÊ VIỆT DŨNG	11A1	
12	110074	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	11A3	
13	110075	NGUYỄN NGỌC THÁI DƯƠNG	11A8	
14	110076	ĐÀO TRẦN VŨ DƯƠNG	11A4	
15	110077	ĐÀO XUÂN DƯƠNG	11A8	
16	110078	NGÔ LƯU PHÚC DUY	11A10	
17	110079	LÂM HUYNH DUY	11A10	
18	110080	NGUYỄN ĐỖ ANH DUY	11A5	
19	110081	PHẠM TRẦN BẢO DUY	11A1	
20	110082	TRẦN NGUYỄN ANH DUY	11A8	
21	110083	TRẦN VĂN BẢO DUY	11A10	
22	110084	THÁI BÍCH DUYÊN	11A1	
23	110085	NGUYỄN MỸ DUYÊN	11A3	
24	110086	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	11A1	
25	110087	NGUYỄN TƯỜNG GIANG	11A5	
26	110088	LÊ BẢO GIANG	11A10	
27	110089	LAU CẨM HƯƠNG GIANG	11A9	
28	110090	ĐỖ NGỌC QUANG GIÀU	11A1	
29	110091	NGUYỄN HỨA NGỌC HÀ	11A5	
30	110092	NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ	11A4	
31	110093	NGUYỄN HÀ VIỆT HAI	11A4	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 11 - PHÒNG 4

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110094	QUÁCH BÙI ĐẠI HẢI	11A1	
2	110095	NGÔ LÊ GIA HÂN	11A8	
3	110096	TRẦN NGUYỄN NGỌC HÂN	11A6	
4	110097	PHẠM NGỌC HÂN	11A6	
5	110098	PHẠM NGỌC HÂN	11A10	
6	110099	NGUYỄN MAI GIA HÂN	11A4	
7	110100	TRẦN NGUYỄN GIA HÂN	11A1	
8	110101	HUỖNH NGỌC HÂN	11A4	
9	110102	NGUYỄN THANH BẢO HÂN	11A1	
10	110103	LÊ HUỖNH BẢO HÂN	11A9	
11	110104	ĐẶNG TRẦN BẢO HÂN	11A9	
12	110105	KHÔNG HUỖNH NGỌC HÂN	11A3	
13	110106	NGUYỄN HOÀNG MINH HAO	11A8	
14	110107	NGUYỄN PHÚC HẬU	11A2	
15	110108	PHAN THÀNH HIỂN	11A9	
16	110109	NGUYỄN THỂ HIỂN	11A3	
17	110110	NGUYỄN THỂ HIỂN	11A5	
18	110111	TRẦN THANH HOÀNG	11A1	
19	110112	NGUYỄN CHU KHÁNH HOÀNG	11A2	
20	110113	HỒ CHÍ HÙNG	11A7	
21	110114	DIỆP QUANG HÙNG	11A1	
22	110115	HUỖNH PHÚC HÙNG	11A10	
23	110116	NGUYỄN GIA HÙNG	11A3	
24	110117	NGUYỄN NGÔ PHÚC HÙNG	11A2	
25	110118	NGUYỄN XUÂN HƯƠNG	11A4	
26	110119	TRẦN GIA HUY	11A3	
27	110120	NGUYỄN LÂM NHẬT HUY	11A2	
28	110121	NGUYỄN MINH HUY	11A3	
29	110122	HUỖNH NGỌC KHẢ HUYỀN	11A9	
30	110123	ĐỖ NGUYỄN NGỌC HUỖNH	11A7	
31	110124	NGÔ TRẦN KHANG HY	11A1	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 11 - PHÒNG 5

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110125	TÙ KHANG HY	11A7	
2	110126	TRẦN QUANG KHAI	11A1	
3	110127	BUI VĂN KHAI	11A2	
4	110128	HÀ LÊ KHANG	11A6	
5	110129	ĐẶNG PHÚC KHANG	11A6	
6	110130	NGUYỄN VĨ KHANG	11A1	
7	110131	NGUYỄN DUY PHÚC KHANG	11A4	
8	110132	NGUYỄN ĐÌNH KHANG	11A7	
9	110133	PHAN MINH KHANG	11A6	
10	110134	TÔ NGUYỄN HỮU KHANG	11A8	
11	110135	LÂM NGỌC KHÁNH	11A3	
12	110136	PHẠM THÁI GIA KHIÊM	11A8	
13	110137	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	11A7	
14	110138	THÁI ĐĂNG KHOA	11A9	
15	110139	LÊ XUÂN TUẤN KHÔI	11A1	
16	110140	NGUYỄN MINH KHÔI	11A7	
17	110141	TRẦN ANH KHÔI	11A9	
18	110142	VŨ ĐÌNH KHÔI	11A2	
19	110143	NGUYỄN ĐAM MINH KHÔI	11A5	
20	110144	LÊ TRẦN KIM KHUYẾN	11A6	
21	110145	NGUYỄN HOÀNG KIẾN	11A1	
22	110146	VÕ THANH KIẾT	11A6	
23	110147	TRẦN HAO TUẤN KIẾT	11A8	
24	110148	HUỲNH ĐĂNG THIÊN KIM	11A6	
25	110149	HUỲNH VĨ KỶ	11A7	
26	110150	LA VĨNH KỶ	11A6	
27	110151	ĐỖ LÊ THIÊN LAM	11A9	
28	110152	Nguyễn Phạm Hoàng Lan	11A4	
29	110153	TRẦN THANH LIÊM	11A2	
30	110154	LÊ TRẦN PHƯƠNG LINH	11A4	
31	110155	LÊ KHÁNH LINH	11A2	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 11 - PHÒNG 6

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110156	PHAN NGOC HAI LINH	11A5	
2	110157	NGUYỄN TRÚC LINH	11A8	
3	110158	NGUYỄN GIA LINH	11A5	
4	110159	ĐỖ TRẦN BẢO LOAN	11A2	
5	110160	NGUYỄN PHÚC GIA LỘC	11A7	
6	110161	NGUYỄN GIA LỘC	11A8	
7	110162	NGUYỄN TẤN LỘC	11A5	
8	110163	HUỶNH TẤN LỘC	11A8	
9	110164	TRẦN HOÀNG LONG	11A4	
10	110165	DƯƠNG HOÀNG LONG	11A6	
11	110166	NGUYỄN NGỌC ANH LY	11A2	
12	110167	LÊ THỊ NGỌC MAI	11A7	
13	110168	ĐẶNG QUỲNH MAI	11A9	
14	110169	LÝ KIM MAI	11A10	
15	110170	TRẦN THỊ TRÚC MAI	11A3	
16	110171	VÕ THỊ NGỌC MAI	11A5	
17	110172	TRẦN DIỆP THANH MAI	11A5	
18	110173	MAI DUY MẠNH	11A10	
19	110174	TRẦN KHAI MINH	11A4	
20	110175	PHẠM DUY MINH	11A4	
21	110176	LÊ TRẦN KHÁNH MINH	11A3	
22	110177	TRẦN NGUYỄN TUẤN MINH	11A6	
23	110178	LÊ THỊ YẾN MY	11A4	
24	110179	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	11A2	
25	110180	NGUYỄN THỊ BẢO MY	11A2	
26	110181	LÊ HUỶNH MỸ	11A10	
27	110182	VƯƠNG HOÀNG THIÊN MỸ	11A3	
28	110183	NGÔ HOÀI NAM	11A8	
29	110184	TRẦN ĐỨC NĂNG	11A2	
30	110185	TRẦN PHƯƠNG NGÂN	11A2	
31	110186	PHẠM KIM NGÂN	11A2	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 11 - PHÒNG 7

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110187	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	11A7	
2	110188	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	11A1	
3	110189	NGUYỄN THỊ KIỀU NGÂN	11A7	
4	110190	NGUYỄN LÊ BẢO NGÂN	11A7	
5	110191	TRẦN HỒNG NGÂN	11A3	
6	110192	TRƯƠNG KIM NGÂN	11A6	
7	110193	BÙI HOÀNG NGÂN	11A8	
8	110194	PHẠM ĐÔNG NGHI	11A3	
9	110195	NGUYỄN TỬ HUY NGHI	11A3	
10	110196	HUYNH NGUYỄN PHƯƠNG NGHI	11A3	
11	110197	VÕ TUỆ NGHI	11A10	
12	110198	TRẦN HOÀNG ĐÔNG NGHI	11A9	
13	110199	ĐINH ĐẠI NGHĨA	11A3	
14	110200	TRẦN VƯƠNG NHƯ NGỌC	11A3	
15	110201	TRẦN LÊ THIÊN NGỌC	11A4	
16	110202	NGUYỄN PHAN KHANH NGỌC	11A7	
17	110203	HUYNH VÕ BÍCH NGỌC	11A9	
18	110204	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	11A10	
19	110205	DƯƠNG HUYNH BẢO NGỌC	11A9	
20	110206	NGUYỄN HOÀNG MINH NGỌC	11A5	
21	110207	NGUYỄN KHANH NGỌC	11A6	
22	110208	LÊ ĐỖ HỒNG NGỌC	11A8	
23	110209	LÊ LÂM BẢO NGỌC	11A5	
24	110210	NGUYỄN PHÚC NGUYỄN	11A2	
25	110211	LÊ NGUYỄN THẢO NGUYỄN	11A2	
26	110212	PHẠM VÕ PHƯỚC NGUYỄN	11A6	
27	110213	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	11A6	
28	110214	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	11A6	
29	110215	NGUYỄN KIM NGUYỄN	11A5	
30	110216	NGUYỄN NGỌC KHANH NGUYỄN	11A6	
31	110217	TRẦN BẢO NGUYỄN	11A8	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 11 - PHÒNG 8

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110218	VÕ TRỌNG NHÂN	11A2	
2	110219	NGUYỄN THÀNH NHÂN	11A2	
3	110220	LÊ VÕ HẠNH NHÂN	11A7	
4	110221	NGUYỄN HỮU NHÂN	11A1	
5	110222	ĐÀO TRỌNG NHÂN	11A5	
6	110223	QUANG LÂM MINH NHẬT	11A6	
7	110224	NGUYỄN THỊ NHẬT	11A5	
8	110225	LÊ THỊ YẾN NHI	11A4	
9	110226	LÊ NHI	11A7	
10	110227	LÊ QUỲNH NHI	11A4	
11	110228	NGUYỄN NGỌC KHÁNH NHI	11A5	
12	110229	HUỲNH TUYẾT NHI	11A5	
13	110230	HUỲNH THỊ YẾN NHI	11A5	
14	110231	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	11A9	
15	110232	NGUYỄN PHƯƠNG YẾN NHI	11A8	
16	110233	LÊ NGUYỄN THAO NHI	11A8	
17	110234	PHAN HỒNG NHIÊN	11A7	
18	110235	LÊ NGUYỄN KIM NHƯ	11A7	
19	110236	NGÔ HUỲNH NHƯ	11A4	
20	110237	LÊ THÁI NHƯ	11A5	
21	110238	CHÂU HUỲNH NHƯ	11A5	
22	110239	HUỲNH THỊ QUỲNH NHƯ	11A6	
23	110240	VÕ THỊ QUỲNH NHƯ	11A9	
24	110241	TẠ NGUYỄN QUỲNH NHƯ	11A1	
25	110242	HỒ HUỲNH NHƯ	11A9	
26	110243	LÊ NGỌC NHUNG	11A3	
27	110244	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	11A10	
28	110245	TẠ MINH NHỰT	11A2	
29	110246	NGUYỄN MINH NHỰT	11A5	
30	110247	HÀ THỊ TỔ NỮ	11A4	
31	110248	NGUYỄN THÀNH PHÁT	11A7	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 11 - PHÒNG 9

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110249	TRƯỜNG MINH PHÁT	11A6	
2	110250	KHUU VINH PHÁT	11A6	
3	110251	PHẠM MINH PHÁT	11A10	
4	110252	TRẦN PHI	11A7	
5	110253	TRIỆU GIA PHÚ	11A7	
6	110254	THẠCH NGUYỄN HOÀNG PHÚ	11A3	
7	110255	LÊ ĐỖ GIA PHÚ	11A1	
8	110256	TRẦN ĐẠI PHÚ	11A10	
9	110257	NHÂM VĨNH PHÚC	11A2	
10	110258	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	11A4	
11	110259	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	11A6	
12	110260	PHAN NHƯ PHÚC	11A1	
13	110261	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	11A1	
14	110262	PHẠM MINH PHÚC	11A8	
15	110263	ĐÌNH CÔNG PHƯỚC	11A7	
16	110264	Huỳnh Ngọc Mai Phương	11A8	
17	110265	NGUYỄN PHƯỚC MAI PHƯƠNG	11A9	
18	110266	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	11A10	
19	110267	BÙI TRÚC PHƯƠNG	11A9	
20	110268	BÙI NGUYỄN NAM PHƯƠNG	11A10	
21	110269	TRẦN MINH QUÂN	11A1	
22	110270	TRẦN MINH QUÂN	11A3	
23	110271	PHẠM HỒNG QUÂN	11A10	
24	110272	CAO VŨ MINH QUÂN	11A3	
25	110273	DƯƠNG PHÚC MINH QUÂN	11A10	
26	110274	NGUYỄN LÊ QUANG	11A1	
27	110275	TÔNG MỸ QUÝ	11A5	
28	110276	NGUYỄN THÀNH QUÝ	11A8	
29	110277	TÔ BẢO QUYÊN	11A7	
30	110278	BÙI NHÀ QUYÊN	11A3	
31	110279	NGUYỄN THỊ NGỌC QUYÊN	11A4	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 11 - PHÒNG 10

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110280	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	11A7	
2	110281	NGUYỄN ĐĂNG HƯƠNG QUỲNH	11A3	
3	110282	TRƯƠNG TRẦN TRÚC QUỲNH	11A10	
4	110283	PHAN THỊ TRÚC QUỲNH	11A5	
5	110284	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	11A10	
6	110285	CHÂU TÂN SANG	11A2	
7	110286	NGUYỄN TÂN SANG	11A4	
8	110287	LƯU THÁI SANG	11A4	
9	110288	TRƯƠNG TÂN SANG	11A5	
10	110289	NGUYỄN NĂNG SƠN	11A5	
11	110290	BÙI ĐỨC TÀI	11A5	
12	110291	ĐẶNG TÂN TÀI	11A9	
13	110292	CAO HUY TÂM	11A9	
14	110293	VŨ THỊ NGỌC TÂM	11A8	
15	110294	HÀ QUANG TÂN	11A1	
16	110295	NGUYỄN CAO QUỐC THAI	11A1	
17	110296	NGUYỄN QUỐC THAI	11A10	
18	110297	NGUYỄN HỒNG THẨM	11A3	
19	110298	TRẦN QUANG THẮNG	11A8	
20	110299	PHẠM CHÍ THẮNG	11A8	
21	110300	TRẦN NGỌC THIÊN THANH	11A5	
22	110301	TRẦN THỂ THANH	11A4	
23	110302	NGUYỄN CHÍ THANH	11A9	
24	110303	NGUYỄN ĐỖ THANH THẢO	11A7	
25	110304	LÊ ĐẶNG THANH THẢO	11A7	
26	110305	LÂM THANH THẢO	11A7	
27	110306	ĐỖ DUY PHƯƠNG THẢO	11A10	
28	110307	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	11A9	
29	110308	LƯƠNG NGUYỄN NGUYỄN THẢO	11A9	
30	110309	PHẠM THANH THI	11A9	
31	110310	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	11A8	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 11 - PHÒNG 11

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110311	NGUYỄN TRUNG THỊNH	11A5	
2	110312	PHAN PHÚC THỊNH	11A8	
3	110313	NGUYỄN TRỌNG PHÚC THỊNH	11A8	
4	110314	NGUYỄN CHÍ THỊNH	11A6	
5	110315	DƯƠNG MINH THƠ	11A7	
6	110316	LÊ NGUYỄN HÀ ANH THƠ	11A1	
7	110317	NGUYỄN THỊ QUỲNH THƠ	11A6	
8	110318	TRẦN THANH THOẠI	11A9	
9	110319	NGUYỄN ANH THƯ	11A7	
10	110320	VŨ MINH THƯ	11A9	
11	110321	TRẦN NGỌC ANH THƯ	11A3	
12	110322	ĐỖ MINH THƯ	11A4	
13	110323	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	11A1	
14	110324	ĐẶNG NGUYỄN MINH THƯ	11A2	
15	110325	ĐINH LÊ MINH THƯ	11A3	
16	110326	HUỲNH NGỌC MINH THƯ	11A6	
17	110327	NGUYỄN HUỲNH KIỀU HOÀI THƯƠNG	11A10	
18	110328	LÂM PHƯƠNG THUY	11A7	
19	110329	TRẦN NGỌC THUY	11A9	
20	110330	LÊ MINH NGỌC THY	11A4	
21	110331	NGUYỄN TRẦN ANH THY	11A1	
22	110332	PHẠM THUY TIẾN	11A4	
23	110333	VŨ MINH TIẾN	11A3	
24	110334	TẠ MINH TIẾN	11A4	
25	110335	NGUYỄN VIỆT TIẾN	11A9	
26	110336	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	11A3	
27	110337	NGUYỄN ANH TIẾN	11A3	
28	110338	CAO MINH TIẾN	11A10	
29	110339	VŨ MINH TIẾN	11A6	
30	110340	TRƯƠNG MINH TIẾN	11A6	
31	110341	TRẦN TRỌNG TÍN	11A2	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 11 - PHÒNG 12

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110342	TÔ TRUNG TÍN	11A8	
2	110343	PHAN TRỌNG TÍN	11A8	
3	110344	PHẠM HỮU TINH	11A5	
4	110345	NGUYỄN TRẦN PHƯỚC TOÀN	11A2	
5	110346	VÕ NGỌC TRÂM	11A9	
6	110347	TRẦN HOÀNG BÍCH TRÂM	11A2	
7	110348	BUI BẢO TRẦN	11A5	
8	110349	NGUYỄN NGỌC THÙY TRẦN	11A1	
9	110350	NGUYỄN BẢO TRẦN	11A1	
10	110351	NGUYỄN HỒ NGỌC TRẦN	11A10	
11	110352	TA THUY TRIỀU TRANG	11A4	
12	110353	NGUYỄN HOÀNG TRÍ	11A1	
13	110354	TRẦN ĐẶNG TUẤN TRI	11A6	
14	110355	Ta Minh Triết	11A5	
15	110356	Diệp Trần Minh Triết	11A6	
16	110357	BUI BICH HAI TRIEU	11A1	
17	110358	ĐỖ LÝ TRỌNG	11A1	
18	110359	TRẦN THANH TRỌNG	11A2	
19	110360	NGUYỄN THANH TRÚC	11A4	
20	110361	NGUYỄN THANH TRÚC	11A5	
21	110362	TRẦN NGUYỄN THANH TRÚC	11A2	
22	110363	ĐOÀN THANH TRÚC	11A8	
23	110364	HUYNH QUỐC TRUNG	11A3	
24	110365	LÊ MAI THANH TỬ	11A2	
25	110366	TU KHA TU	11A8	
26	110367	PHẠM MINH TUẤN	11A9	
27	110368	LÊ VŨ ANH TUẤN	11A10	
28	110369	NGUYỄN VIỆT THANH TÙNG	11A10	
29	110370	NGUYỄN NGỌC CÁT TƯỜNG	11A2	
30	110371	ĐẶNG PHÚC GIA CÁT TƯỜNG	11A3	
31	110372	HỒ Ý LAN TƯỜNG	11A10	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 11 - PHÒNG 13

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110373	NGUYỄN NGỌC CÁT TƯỜNG	11A6	
2	110374	NGUYỄN THANH TUYỀN	11A5	
3	110375	VŨ THỊ ANH TUYẾT	11A7	
4	110376	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	11A6	
5	110377	ĐINH NHẬT UYÊN	11A2	
6	110378	LÂM KIẾN VĂN	11A8	
7	110379	CAO THỊ TUYẾT VI	11A8	
8	110380	CAO NGUYỄN YÊN VI	11A8	
9	110381	NGUYỄN HOÀNG XUÂN VINH	11A2	
10	110382	PHẠM NGUYỄN QUỐC VINH	11A1	
11	110383	VĂN ĐẮC QUỐC VINH	11A9	
12	110384	NGUYỄN NGỌC LAN VY	11A2	
13	110385	NGUYỄN THÚY VY	11A7	
14	110386	VÕ HỒ KHÁNH VY	11A8	
15	110387	NGUYỄN TƯỜNG VY	11A9	
16	110388	NGUYỄN THẢO VY	11A10	
17	110389	TRẦN THỊ KIỀU VY	11A8	
18	110390	ĐOÀN LÂM TƯỜNG VY	11A9	
19	110391	NGUYỄN KIỀU VY	11A10	
20	110392	NGUYỄN PHƯƠNG VY	11A3	
21	110393	PHAN TRẦN THẢO VY	11A8	
22	110394	LA KHÁNH VY	11A10	
23	110395	LÂM THÚY VY	11A6	
24	110396	HUỲNH VY	11A6	
25	110397	TRẦN THỊ KIM XUÂN	11A8	
26	110398	NGUYỄN ANH XUÂN	11A4	
27	110399	LƯU NGỌC NHƯ Ý	11A10	
28	110400	Đoàn Như Ý	11A3	
29	110401	ĐOÀN NGỌC NHƯ Ý	11A3	
30	110402	NGUYỄN HOÀNG YÊN	11A4	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên